

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-ST

Ngày: 06 – 7 – 2022

V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hăng.

Bà Võ Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về dân sự hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Địa chỉ: Số Q, Phan Đăng L, Phường E, Quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhựt G, Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền số 1043/QĐ-DAB-PC ngày 25/6/2021).

Người được ủy quyền: Ông Ngô Phước L, Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Đ (Theo văn bản ủy quyền số 184/QĐ-ĐTP ngày 19/8/2021).

Địa chỉ chi nhánh: Số S, Quốc lộ C, Phường M, Tp. C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Phạm Hữu Anh K, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Người được ủy quyền ông Ngô Phước L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Hữu Anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi là Ngân hàng) đã ký kết với ông Phạm Hữu Anh K hợp đồng tín dụng chi tiết như sau:

1. Tổng hạn mức cấp tín dụng: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo đợt vay số 0162151101T17002 ngày 23/01/2017, chi tiết bao gồm những khoản sau: Đợt vay số 0162151101T17002 ngày 23/01/2017; Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); Lãi suất 8%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng.

2. Biện pháp đảm bảo: Tín chấp.

Trong quá trình vay từ 23/01/2017 đến ngày 19/8/2020 ông Phạm Hữu Anh K chỉ trả được tổng số tiền như sau: Vốn: 19.357.208 đồng; Lãi trong hạn: 4.792.792 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng. Tổng cộng: 24.150.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Phạm Hữu Anh K vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 24/01/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 06/7/2022 ông Phạm Hữu Anh K còn nợ các khoản sau: Vốn: 642.792 đồng; Lãi trong hạn: 8.208 đồng; Lãi quá hạn: 174.682 đồng; Tổng cộng: 825.682 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Hữu Anh K trả cho Ngân hàng tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 06/7/2022 là 825.682 đồng. Trong đó vốn: 642.792 đồng, lãi trong hạn 8.208 đồng, lãi quá hạn 174.682 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 07/7/2022 đến ngày ông Phạm Hữu Anh K trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo lãi suất quá hạn được quy định tại giấy đăng ký vay tiền kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/01/2017.

- Bị đơn ông Phạm Hữu Anh K không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Bản photo); Quyết định bổ nhiệm lại ông Nguyễn Thanh Tùng giữ chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ (Bản photo); Quyết định ủy quyền ngày 24/01/2019 (Bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (Bản sao); Quyết định bổ nhiệm ngày 13/5/2021 (Bản sao); Quyết định ủy quyền ngày 25/6/2021 (Bản sao); Quyết định ủy quyền ngày 19/8/2021 (Bản chính); Sổ hộ khẩu gia đình (Bản photo); Giấy chứng minh nhân dân của ông Phạm Hữu Anh K (Bản photo); Sao kê hoạt động của khách hàng vay từ ngày 23/01/2017 đến ngày 19/8/2021 (Bản chính); Danh sách cho vay trả góp giải

ngân qua tài khoản thẻ (Bản photo); Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về dân sự hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Phạm Hữu Anh K cư trú tại số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa người được ủy quyền ông Ngô Phước L có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phạm Hữu Anh K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng số 0162151101T17002 ngày 23/01/2017.

Xét thấy, Ngân hàng và ông Phạm Hữu Anh K đã ký kết hợp đồng tín dụng ngày 23/01/2017. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0301442379. Ông Phạm Hữu Anh K có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng và ông Phạm Hữu Anh K đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của Hợp đồng không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng số 0162151101T17002 ngày 23/01/2017 có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc yêu cầu ông Phạm Hữu Anh K trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi đối với Hợp đồng tín dụng là 825.682 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 07/7/2022 đến ngày ông Phạm Hữu Anh K trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo lãi suất quá hạn được quy định tại giấy đăng ký vay tiền kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/01/2017.

Xét thấy, sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải Ngân cho ông K số tiền 20.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, ông K có trách nhiệm trả gốc và lãi theo quy định cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ông K không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Như vậy, ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Hữu Anh K trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 642.792 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, giữa Ngân hàng và ông Phạm Hữu Anh K có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông K trả số tiền lãi là 182.890 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 07/7/2022 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho ông K, nhưng ông K không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, ông K phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo lời trình bày của Ngân hàng.

Từ những phân tích đã nêu trên, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu ông Phạm Hữu Anh K thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 825.682 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 07/7/2022 đến ngày ông Phạm Hữu Anh K trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo lãi suất quá hạn được quy định tại giấy đăng ký vay tiền kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/01/2017 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên ông Phạm Hữu Anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

- Buộc bị đơn ông Phạm Hữu Anh K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền theo hợp đồng tín dụng số 0162151101T17002 ngày 23/01/2017: Nợ gốc là 642.792 đồng, lãi trong hạn 8.208 đồng, lãi quá hạn là 174.682 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 825.682 đồng (Tám trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Hữu Anh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010068 ngày 08/4/2022 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Trung